

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/HS-ST**
Ngày: 17 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lương Duy Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2022 và ngày 17/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Long Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 225/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2021/QĐXXST-HS ngày 29/12/2021 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2022/HSST-QĐ ngày 13/01/2022, đối với bị cáo:

Vương Bảo T, Giới tính: Nam; Sinh năm 1990, tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 11, khu KS, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN.

Nơi sinh sống: Tổ 11, khu KS, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông Vương Kim K, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1956.

Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình, có vợ tên là Võ Thị Thu H, sinh năm 1992 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại có mặt.

Bị hại: Chị **Trương Thái Bảo N**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 9, khu CX, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ 11, khu KS, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 12/7/2021 tại nhà chị Trương Thái Bảo N, sinh năm 1990 ở tổ 9, khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Vương Bảo T có hành vi lén lút vào nhà chị N lấy trộm 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại Iphone XSMax, 01 chứng minh nhân dân, 01 chìa khóa xe mô tô và số tiền 8.500.000 đồng. Sau khi phát hiện mất tài sản chị N trình báo Công an thị trấn Long Thành. Đến ngày 13/7/2021 Công an thị trấn Long Thành xác định T là người trộm cắp tài sản của chị N nên lập hồ sơ chuyển Công an huyện Long Thành điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá số 82 ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMax có trị giá 14.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của chị N là 23.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản Cáo trạng số: 232/CT-VKSLT ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Vương Bảo T để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,s,i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vương Bảo T từ 06 tháng đến 08 tháng tù giam

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 4.500.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: 01 túi xách, 01 chứng minh nhân dân, 01 chìa khóa xe, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMax và số tiền 4.000.000 đồng của chị N nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60G1-276.68 số máy JF86E2388535, số khung RLHJF5836LY109809 là tài sản chung vợ chồng của bị cáo và chị Võ Thị Thu H. Bị cáo không sử dụng xe vào việc phạm tội nên đề nghị HĐXX tuyên trả lại xe cho bị cáo và chị H.

01 đĩa CD chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ xét xử.

- **Ý kiến của bị cáo:** Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thu H có ý kiến: Xe mô tô biển số 60G1-276.68 thuộc sở hữu hợp pháp của vợ chồng chị, hàng ngày chị sử dụng xe trên làm phương tiện đi lại, việc bị cáo T sử dụng xe trên để đi đâu, làm gì chị không biết. Chị yêu cầu HĐXX xem xét trả lại xe mô tô biển số 60G1-276.68 trên vì đó là phương tiện đi lại duy nhất của chị.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các chứng cứ khác được thu thập và quá trình tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Vương Bảo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân do không có việc làm, nên vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 12/7/2021 bị cáo lợi dụng sơ hở của bị hại, nhà không đóng cửa đã có hành vi lén lút vào nhà chị N lấy trộm 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại Iphone XSMax có trị giá 14.500.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 chìa khóa xe mô tô và số tiền 8.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt của chị N là 23.000.000 đồng.

Do vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây tác động xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo khi lượng hình, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo (bút lục 48). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự.

[8] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: Cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 túi xách, 01 chứng minh nhân dân, 01 chìa khóa xe, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMax và số tiền 4.000.000 đồng của chị N Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N là đúng theo quy định.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60G1-276.68 số máy JF86E 2388535, số khung RLHJF5836LY109809 bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Ngoài ra xe mô tô này là tài sản chung vợ chồng của bị cáo và chị H, chị H không biết bị cáo dùng xe để đi đâu, làm gì nên trả lại xe mô tô biển số 60G1-276.68 cho bị cáo và chị Võ Thị Thu H là đúng quy định.

[10] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho chị N 4.500.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành về các vấn đề trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Vương Bảo T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Vương Bảo T 08 (tám) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Vương Bảo T và chị Võ Thị Thu H 01 xe mô tô biển số 60G1-276.68, số máy JF86E2388535, số khung RLHJF5836LY109809.

(Vật chứng nêu trên đang hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, theo Quyết định chuyển vật chứng số 83/QĐ-VKS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/12/2021).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Vương Bảo T phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại chị Trương Thái Bảo N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại, người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Long Thành;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THA dân sự huyện Long Thành;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Thành;
- Cơ quan THA HS có thẩm quyền;
- Nhà tạm giữ công an huyện Long Thành
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Lệ

**Các hội thẩm nhân dân
phiên toà**

Thẩm phán- Chủ toạ

